



Thời gian : 28/03/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
1	1820524832	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ENG 101 BN	K18YDH1	7	7	6.5	7	7.5	6.2	6.8	6.8	Sáu Phẩy Tám		
2	1821524177	Trần Văn Cảnh	ENG 101 BN	K18YDH1	7	7	6.5	0	7	4.4	5.7	5.5	Năm Phẩy Năm		
3	1821525275	Nguyễn Văn Chiến	ENG 101 BN	K18YDH1	7	7	5.5	5	6.5	4.6	5.5	5.7	Năm Phẩy Bảy		
4	1821526400	Nguyễn Văn Chính	ENG 101 BN	K18YDH4	8	7	6	8	6.5	6.2	6.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
5	1820253689	Hà Thị Yến	ENG 101 BN	K18YDH4	10	6	5	6	7	5.4	6.2	6.1	Sáu Phẩy Một		
6	1821525683	Phạm Văn Cường	ENG 101 BN	K18YDH3	10	8	7	6	6.5	6.4	6.4	6.8	Sáu Phẩy Tám		
7	1821524203	Nguyễn Ngọc Danh	ENG 101 BN	K18YDH3	10	8	6	6	6.5	6	6.2	6.5	Sáu Phẩy Năm		
8	1821523605	Đoàn Tiến Đạt	ENG 101 BN	K18YDH3	10	7	6.5	4	6	6.4	6.2	6.3	Sáu Phẩy Ba		
9	1820525862	Võ Thị Thùy Dung	ENG 101 BN	K18YDH3	10	8	7	5.5	7	6.2	6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
10	1820525687	Nguyễn Thị Ngọc Hà	ENG 101 BN	K18YDH2	10	7	8.5	7	7	6.6	6.8	7.3	Bảy Phẩy Ba		
11	1820524835	Nguyễn Thị Hậu	ENG 101 BN	K18YDH3	10	7	7	5.5	8	6.6	7.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
12	1820526544	Vũ Thị Thu Hiền	ENG 101 BN	K18YDH1	7	8	4.5	4	8	5.6	6.8	6.2	Sáu Phẩy Hai		
13	1820523597	Vương Thị Kim Hoa	ENG 101 BN	K18YDH3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
14	1821524816	Thao A Huy	ENG 101 BN	K18YDH4	10	8	7.5	7.5	7.5	4.6	6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
15	1821523586	Nguyễn Hữu Hưng	ENG 101 BN	K18YDH1	6	5	5	7	7	4.8	5.9	5.7	Năm Phẩy Bảy		
16	1820524829	Phạm Thị Hữu	ENG 101 BN	K18YDH4	10	7	6	8	7.5	6	6.7	6.9	Sáu Phẩy Chín		
17	1820524834	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ENG 101 BN	K18YDH3	10	8	6	5	8	5.8	6.9	6.8	Sáu Phẩy Tám		
18	1820524820	Phan Thị Hồng Liên	ENG 101 BN	K18YDH1	8	7	5	6	7	5.2	6.1	6.1	Sáu Phẩy Một		
19	1820525296	Trương Khánh Linh	ENG 101 BN	K18YDH4	8	7	7.5	7	8.5	6	7.2	7.3	Bảy Phẩy Ba		
20	1820524187	Mai Thị Lý	ENG 101 BN	K18YDH4	8	6	7	9	6.5	5.6	6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
21	1810215761	Nguyễn Thị Trà My	ENG 101 BN	K18KCD2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
22	1821525288	Trần Duy Nam	ENG 101 BN	K18YDH3	10	7	6.5	5.5	hp	hp	hp	0.0	Không		
23	1820524817	Trần Quỳnh Nga	ENG 101 BN	K18YDH4	8	7	5	4	6	5.6	5.8	5.7	Năm Phẩy Bảy		
24	1820524208	Phan Vũ Thảo Nguyên	ENG 101 BN	K18YDH2	9	7	7	0	6.5	6.2	6.3	6.0	Sáu		
25	1821416293	Nguyễn Thanh Nhân	ENG 101 BN	K18KTN	10	6	7	6	6	5	5.5	6.1	Sáu Phẩy Một		
26	1821523608	Võ Đức Nhân	ENG 101 BN	K18YDH4	6	5	5	5	7.5	5.4	6.4	5.8	Năm Phẩy Tám		
27	1820525281	Nguyễn Ngọc Cẩm Nhung	ENG 101 BN	K18YDH1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
28	1820526579	Trương Thị Mỹ Nhung	ENG 101 BN	K18YDH2	10	7	5.5	6	6	5.2	5.6	6.0	Sáu		
29	1821524176	Mai Đức Phúc	ENG 101 BN	K18YDH3	8	7	4	7	7.5	5.2	6.3	6.1	Sáu Phẩy Một		
30	1820526428	Lê Thị Thu Phương	ENG 101 BN	K18YDH4	10	6	6.5	6	7.5	6	6.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
31	1821525287	Đỗ Hoài Phương	ENG 101 BN	K18YDH2	10	7	5.5	5	7	7.6	7.3	6.8	Sáu Phẩy Tám		
32	1820524183	Lê Thị Kim Sin	ENG 101 BN	K18YDH4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
33	1821523588	Huỳnh Bá Tài	ENG 101 BN	K18YDH1	6	6	6	0	7.5	4.2	5.8	5.3	Năm Phẩy Ba		
34	171576634	Nguyễn Văn Tân	ENG 101 BN	K18PSU_KCD2	6	5	0	4	hp	hp	hp	0.0	Không		
35	1821524198	Lê Hữu Thắng	ENG 101 BN	K18YDH1	10	7	5	6	7	8	7.5	6.9	Sáu Phẩy Chín		
36	1820714393	Phạm Thị Thuận	ENG 101 BN	K18YDH4	10	8	6.5	6	7	6.6	6.8	6.9	Sáu Phẩy Chín		
37	1820525286	Lê Thị Huyền Thương	ENG 101 BN	K18YDH2	10	8	6.5	7	7.5	6.8	7.1	7.2	Bảy Phẩy Hai		
38	1820524822	Bùi Thị Thanh Thúy	ENG 101 BN	K18YDH1	9	6	5.5	7	6.5	6.6	6.5	6.5	Sáu Phẩy Năm		
39	1820525301	Phạm Thị Thúy	ENG 101 BN	K18YDH2	10	6	6.5	6.5	8	8	8	7.5	Bảy Phẩy Năm		



Thời gian: 28/03/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
40	1820524831	Hồ Thị Bích	Trâm	ENG 101 BN	K18YDH4	9	7	8	5	7.5	6.8	7.1	7.2	Bảy Phẩy Hai	
41	1820526044	Trương Thị Thùy	Trang	ENG 101 BN	K18YDH2	10	8	6	5	6	3.6	4.8	5.6	Năm Phẩy Sáu	
42	1820524836	Ngô Thị Việt	Trình	ENG 101 BN	K18YDH2	10	7	7	7	7	6.4	6.7	7.0	Bảy	
43	1821526038	Nguyễn Văn	Tứ	ENG 101 BN	K18YDH1	10	6	5.5	5.5	6	7	6.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
44	1820525690	Nguyễn Thị Diệu Th	Vi	ENG 101 BN	K18YDH2	10	7	7	5	6.5	7.2	6.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
45	1810214466	Trương Thị Như	Ý	ENG 101 BN	K18KCD2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
46	1820526432	Huỳnh Thị Hoàng	Yến	ENG 101 BN	K18YDH4	10	7	7.5	9.5	7	7.8	7.4	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
47	1821523870	Hoàng Xuân	Bách	ENG 101 BP	K18YDH2	6	7	9	7	8	9	8.5	8.2	Tám Phẩy Hai	
48	1820526216	Nguyễn Thị Thanh	Châu	ENG 101 BP	K18YDH4	9	7	9	5.5	7.5	8.2	7.8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
49	1820526431	Lê Thị Mi	Chi	ENG 101 BP	K18YDH2	8	7	8.5	10	6	8.4	7.2	7.8	Bảy Phẩy Tám	
50	1821525298	Nguyễn Văn	Chiến	ENG 101 BP	K18YDH2	8	6	8.5	6	v	v	v	0.0	Không	
51	1820525860	Nguyễn Thị	Cúc	ENG 101 BP	K18YDH4	10	7	5.5	5	4	5.4	4.7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
52	1821523593	Lê Quang	Đại	ENG 101 BP	K18YDH3	8	6	8	4	7	6.4	6.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
53	1820525856	Mai Hồng	Đào	ENG 101 BP	K18YDH4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
54	1821526043	Nguyễn Phước	Duy	ENG 101 BP	K18YDH1	8	7	9	4.5	6	8.2	7.1	7.3	Bảy Phẩy Ba	
55	1820523587	Nguyễn Thị Hương	Giang	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	7	5.5	4	6.6	5.3	6.1	Sáu Phẩy Một	
56	1821523600	Ngô Bá Việt	Hưng	ENG 101 BP	K18YDH2	8	6	7	4	6.5	7.4	6.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
57	1820525292	Nghiêm Thị	Huyền	ENG 101 BP	K18YDH3	10	9	7	6.5	4	6.6	5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
58	1820526712	Đinh Kim	Khánh	ENG 101 BP	K18YDH3	10	8	8	8	6.5	8.2	7.3	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
59	1820525274	Nguyễn Thị Minh	Khuê	ENG 101 BP	K18YDH1	10	9	5	7	5	6.2	5.6	6.2	Sáu Phẩy Hai	
60	1820526713	Mai Thị Mỹ	Liên	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	8.5	4	6	4.8	5.4	6.3	Sáu Phẩy Ba	
61	171578985	Trương Văn	Mạnh	ENG 101 BP	K17QCD8	5	0	0	2	v	v	v	0.0	Không	
62	1821524199	Lê Đỗ Quốc	Nam	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	7	6	7	6.8	6.9	7.0	Bảy	
63	1820525284	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	ENG 101 BP	K18YDH1	8	6	8	7	7	8	7.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
64	1820523602	Trương Thục	Nhi	ENG 101 BP	K18YDH4	10	9	8.5	8	7.5	8.2	7.8	8.2	Tám Phẩy Hai	
65	1820526306	Nguyễn Thị	Nhơn	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	7	7	7	7	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
66	1820525294	Nguyễn Thị Chi	Nữ	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	9	7	5	6.6	5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
67	1820526662	Đào Thị Yến	Ny	ENG 101 BP	K18YDH4	10	8	8.5	6	5.5	5.6	5.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
68	1821416019	Trần Duy	Phong	ENG 101 BP	K18CSU_KTR3	6	6	7	0	6.5	3.8	5.1	5.1	Năm Phẩy Một	
69	1820525865	Lê Thị Đại	Phương	ENG 101 BP	K18YDH2	10	8	9	9.5	6.5	7.8	7.1	8.0	Tám	
70	1820526046	Nguyễn Thị Nhật	Quỳnh	ENG 101 BP	K18YDH2	10	7	8.5	9	6	7.6	6.8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
71	1821526215	Trần Nam	Sơn	ENG 101 BP	K18YDH4	7	8	9	0	8	9.2	8.6	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
72	1820524184	Trần Thị Thanh	Tâm	ENG 101 BP	K18YDH1	10	7	8.5	7	6	8	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
73	1821525279	Nguyễn Văn	Thái	ENG 101 BP	K18YDH1	10	7	6	5	6.5	4.6	5.5	6.0	Sáu	
74	1821523584	Trần Chí	Thành	ENG 101 BP	K18YDH4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
75	1821525272	Nguyễn Công	Thành	ENG 101 BP	K18YDH2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
76	1820523589	Nguyễn Thu	Thảo	ENG 101 BP	K18YDH3	10	8	7.5	8	6.5	7.6	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
77	1820523590	Trần Thạch	Thảo	ENG 101 BP	K18YDH1	7	6	7	6	4.5	4.2	4.3	5.3	Năm Phẩy Ba	
78	1820525273	Đỗ Xuân	Thảo	ENG 101 BP	K18YDH1	7	6	9	7	7	5.8	6.4	7.0	Bảy	



Thời gian : 28/03/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%		T	55%				
79	172247547	Đoàn Bửu	Thịnh	ENG 101 BP	K18EVT	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
80	1821524182	Trần Quốc	Thịnh	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	9	5	6.5	4.8	5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
81	1821524180	Nguyễn Ngọc	Thới	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	7	6	6	5.8	5.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
82	1820525280	Phan Thị Nguyệt	Thu	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	6	8.5	7	7.4	7.2	7.2	Bảy Phẩy Hai	
83	1820525291	Nguyễn Anh	Thư	ENG 101 BP	K18YDH1	10	8	7	7	8	8	8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
84	1821524206	Lê Văn Cao	Thuận	ENG 101 BP	K18YDH4	9	7	7.5	6.5	8	5.6	6.8	7.0	Bảy	
85	1820525282	Lê Thị Thu	Thúy	ENG 101 BP	K18YDH4	9	7	9	7	6	2.6	4.3	6.0	Sáu	
86	1820524201	Nguyễn Phạm Bích	Thùy	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	6	5	6	6.4	6.2	6.3	Sáu Phẩy Ba	
87	1821526045	Ngô Quang	Thụy	ENG 101 BP	K18YDH1	9	7	6.5	5	7	7	7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
88	1821524200	Bùi Minh	Tiến	ENG 101 BP	K18YDH4	9	6	6.5	6	6	5	5.5	6.0	Sáu	
89	1821524818	Doãn Bá	Tín	ENG 101 BP	K18YDH1	9	6	6	6.5	5	5.4	5.2	5.8	Năm Phẩy Tám	
90	1821524819	Nguyễn Trọng	Tín	ENG 101 BP	K18YDH4	0	0	0	0	5.5	5.4	5.4	3.0	Ba	
91	1820526578	Lê Thị Kiều	Trang	ENG 101 BP	K18YDH3	10	7	5	6	6	4	5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
92	122521966	Nguyễn Thành	Trung	ENG 101 BP	K14QNH6	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	42538
93	1821526714	Lê Tự Ân	Tường	ENG 101 BP	K18YDH4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
94	1820525295	Trương Mỹ Tường	Vy	ENG 101 BP	K18YDH3	10	6	6	4	5	7.2	6.1	6.1	Sáu Phẩy Một	
95	1820524840	Lê Thị Văn	Yến	ENG 101 BP	K18YDH4	10	7	9	8.5	5	6.2	5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	79	83%	
2	Số sinh viên nợ	16	17%	
TỔNG CỘNG :		95	100%	

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2013
TP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

NGƯỜI LẬP

Phạm Ngọc Tĩnh

ThS. Nguyễn Hữu Phú